**PHỤ LỤC 3**

**BIỂU RÀ SOÁT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Biểu số 01/RSĐB**  Ngày nhận báo cáo: ngày 31/12 hàng năm | Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê …………………..  Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Thống kê XDĐT-TCTK |

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT DANH SÁCH ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUÝ VÀ NĂM**

**Năm …**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã tỉnh** | **Tên tỉnh** | **Mã huyện** | **Tên huyện** | **Mã xã** | **Tên xã** | **Mã địa bàn** | **Tên địa bàn** | **Mã khu vực**  ***(thành thị =1; nông thôn=2)*** | **Kết quả**  **Rà soát** | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I. Điều tra quý** | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II. Điều tra năm** | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú*: ***Cột 10****: Ghi mã 1 cho địa bàn đang điều tra; Ghi mã 2 cho địa bàn bổ sung mới; Ghi mã 3 cho địa bàn loại khỏi mẫu điều tra.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**  (Ký, họ tên) | **Người duyệt biểu**  (Ký, họ tên) | *…, ngày …tháng …năm…*  **Cục trưởng**  (Ký, đóng dấu) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 02/RSTT**  Ngày nhận báo cáo: ngày 31/12 hàng năm |  | Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê …………………..  Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Thống kê XDĐT-TCTK |
| **KẾT QUẢ RÀ SOÁT TRANG TRẠI ĐƯỢC CHỌN MẪU ĐIỀU TRA VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUÝ VÀ NĂM**  **Năm ……** | | |

| **Mã Tỉnh/TP** | **Mã huyện/quận/thị xã** | **Tên huyện/quận/thị xã** | **Mã xã/phường/thị trấn** | **Tên xã/phường/thị trấn** | **Mã trang trại** | **Tên chủ trang trại** | **Địa chỉ** | **Điện thoại** | **Ngành VSIC 2007**  *(Cấp 2)* | **Loại trang trại** | **Kết quả rà soát** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **I. Điều tra quý** | | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II. Điều tra năm** | | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** *Cột 12 Ghi mã 1 cho trang trại đang điều tra; Ghi mã 2 cho trang trại bổ sung mới; Ghi mã 3 cho trang trại loại khỏi mẫu điều tra..*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**  (Ký, họ tên) | **Người duyệt biểu**  (Ký, họ tên) | *…, ngày …tháng …năm…*  **Cục trưởng**  (Ký, đóng dấu) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 03/RSDN**  Ngày nhận báo cáo: ngày 31/12 hàng năm |  | Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê …………………..  Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Thống kê XDĐT-TCTK |
| **KẾT QUẢ RÀ SOÁT DOANH NGHIỆP CHỌN MẪU ĐIỀU TRA VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUÝ**  **Năm ……** | | |

| **Mã DN** | **Qúy BĐ** | **Năm BĐ** | **MS Thuế** | **Tên DN** | **Địa chỉ** | **Điện thoại** | **Fax** | **Email** | **Mã tỉnh** | **Mã huyện** | **Mã xã** | **Loại hình** | **Mã ngành**  *(Cấp 5)* | **Số lao động** | **Loạitổ** | **Kết quả RS** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** *Cột 17 Ghi mã 1 cho doanh nghiệp đang điều tra; Ghi mã 2 cho doanh nghiệp bổ sung mới; Ghi mã 3 cho doanh nghiệp loại khỏi mẫu điều tra.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Người lập biểu**  (Ký, họ tên) | **Người duyệt biểu**  (Ký, họ tên) | *…, ngày …tháng …năm…*  **Cục trưởng**  (Ký, đóng dấu) | |  |  | | |
|  |  |  | | |
|  |  |  | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Biểu số: 04/RSSN**  Ngày nhận báo cáo: ngày 31/12 hàng năm |  | Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê …………………..  Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Thống kê XDĐT-TCTK | | **KẾT QUẢ RÀ SOÁT ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NGOÀI CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH Y TẾ,**  **NGÀNH GIÁO DỤC ĐIỀU TRA VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NĂM**  **Năm ……** | | |  | **Mã Tỉnh** | **Mã huyện** | **Mã xã** | **Mã đơn vị** | **Tên đơn vị** | **Loại hình tổ chức** | **Địa chỉ** | **Điện thoại** | **Fax** | **Email** | **Tên ngành** | **Mã ngành**  *(cấp 2)* | **Kết quả rà soát** | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | | 1. **Đơn vị sự nghiệp công lập** | | | | | | | | | | | | | | *a. Ngành y tế* | | | | | | | | | | | | | | ….. | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | *b. Ngành giáo dục* | | | | | |  | | | | | | | | ….. | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | 1. **Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập** | | | | | | | | | | | | | | *a. Ngành y tế* | | | | | | | | | | | | | | ….. | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | *b. Ngành giáo dục* | | | | | |  | | | | | | | | ….. | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   ***Ghi chú:*** *Cột 13 Ghi mã 1 cho đơn vị sự nghiệp đang điều tra; Ghi mã 2 cho đơn vị sự nghiệp bổ sung mới; Ghi mã 3 cho đơn vị sự nghiệp loại khỏi mẫu điều tra.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Người lập biểu**  (Ký, họ tên) | **Người duyệt biểu**  (Ký, họ tên) | *…, ngày …tháng …năm…*  **Cục trưởng**  (Ký, đóng dấu) | | | |  |  | |

**GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI BIỂU**

**BIỂU SỐ 01/RSĐB**

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT DANH SÁCH ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA**

**VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUÝ VÀ NĂM**

Căn cứ vào danh sách địa bàn điều tra mẫu quý và năm do Tổng cục Thống kê chọn và gửi về, Cục Thống kê tiến hành rà soát thực địa danh sách địa bàn điều tra vốn đầu tư thực hiện quý và năm. Ghi đầy đủ thông tin các cột đối với các địa bàn mất mẫu và thay mẫu.

Từ cột 1 đến cột 9: Ghi thông tin như điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

Cột 10: Ghi mã 1 cho địa bàn giữ lại điều tra; Ghi mã 2 cho địa bàn bổ sung mới; Ghi mã 3 cho địa bàn loại khỏi dàn mẫu điều tra.

***Quy ước***: Những tỉnh có mã tỉnh ít hơn 2 chữ số, huyện có mã huyện ít hơn 3 chữ số, xã có mã xã ít hơn 5 chữ số: quy ước thêm số 0 phía trước các chữ số để đảm bảo mã tỉnh 2 chữ số, mã huyện 3 chữ số, mã xã 5 chữ số.

**BIỂU SỐ 02/RSTT**

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT TRANG TRẠI ĐƯỢC CHỌN MẪU ĐIỀU TRA**

**VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUÝ VÀ NĂM**

Căn cứ trên danh sách trang trại đã được chọn vào mẫu điều tra vốn đầu tư thực hiện hàng quý và năm, Cục Thống kê tổ chức rà soát lại toàn bộ trang trại và gửi lại Tổng cục Thống kê ngày 31/12 hàng năm.

Từ cột 1 đến cột 10: Ghi thông tin như danh sách trang trại đã được chọn mẫu điều tra vốn đầu tư thực hiện quý và năm.

Cột 11: Quy định mã 1: trang trại trồng trọt; mã 2: trang trại chăn nuôi; mã 3: trang trại lâm nghiệp; mã 4: trang trại nuôi trồng thủy sản; mã 5: trang trại tổng hợp.

Cột 12: Ghi mã 1 cho trang trại giữ lại điều tra; Ghi mã 2 cho trang trại bổ sung mới; Ghi mã 3 cho trang trại loại khỏi dàn mẫu điều tra.

***Quy ước:*** Những tỉnh có mã tỉnh ít hơn 2 chữ số, huyện có mã huyện ít hơn 3 chữ số, xã có mã xã ít hơn 5 chữ số: quy ước thêm số 0 phía trước các chữ số để đảm bảo mã tỉnh 2 chữ số, mã huyện 3 chữ số, mã xã 5 chữ số.

**BIỂU SỐ 03/RSDN**

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT DOANH NGHIỆP CHỌN MẪU ĐIỀU TRA**

**VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUÝ**

***Lưu ý***: Từ cột 1 đến cột 16: Bắt buộc phải ghi đầy đủ thông tin của từng doanh nghiệp theo danh sách Tổng cục Thống kê đã chọn và gửi về. Trừ cột 7, 8 và 9 có thể bỏ trống nếu không có thông tin.

Cột 1: Mã DN là mã doanh nghiệp đã được đánh mã trong chương trình điều tra vốn đầu tư thực hiện. Đối với doanh nghiệp chưa có mã trong chương trình điều tra vốn đầu tư thực hiện thì bỏ trống, Tổng cục Thống kê sẽ đánh mã sau.

Cột 2, 3: Là quý và năm mà doanh nghiệp đó bắt đầu được đưa vào điều tra.

Cột 13: Loại hình là mã loại hình doanh nghiệp. Đánh mã từ 1 đến 4 tương ứng với từng loại hình trong phiếu điều tra.

Cột 14: Mã ngành: Bắt buộc phải là mã ngành 5 số theo đúng mã ngành cấp 5 của VSIC 2007.

Cột 15: Ghi số lao động của doanh nghiệp đang có đến thời điểm 31/12 năm trước năm báo cáo.

Cột 16: Ghi mã 1 với các doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh; Ghi mã 2 đối với các doanh nghiệp mới đăng ký kinh doanh trong năm đang trong quá trình đầu tư nhưng chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

Cột 17: Kết quả rà soát ghi mã 1 doanh nghiệp giữ lại điều tra; Ghi mã 2 là doanh nghiệp bổ sung mới; Ghi số 3 là doanh nghiệp loại khỏi dàn mẫu điều tra.

**BIỂU SỐ 04/RSSN**

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, ĐƠN VỊ SỰ**

**NGHIỆP NGOÀI CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH Y TẾ, NGÀNH GIÁO DỤC**

**ĐIỀU TRA VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NĂM**

Căn cứ vào dàn mẫu đơn vị sự nghiệp công lập và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thuộc ngành y tế và giáo dục Tổng cục Thống kê chọn, Cục Thống kê tỉnh, thành phố tiến hành rà soát các đơn vị được chọn vào mẫu điều tra.

Cột 1 đến cột 12 ghi theo danh sách Tổng cục Thống kê gửi về có sắp xếp theo loại hình tổ chức và theo ngành cấp 2.

***Lưu ý:***

Cột 6: Loại hình tổ chức. Ghi mã 1 đối với đơn vị sự nghiệp công lập, mã 2 đối với đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

Cột 13: Ghi số 1 với đơn vị sự nghiệp giữ lại điều tra, ghi số 2 với đơn vị sự nghiệp bổ sung mới, ghi số 3 với đơn vị loại khỏi dàn mẫu điều tra.